TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Điệt.

2. Ông Lý Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 182/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022, về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tè Tuyết L; địa chỉ: Số B, ấp K, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Đồ L1; địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 8 năm 2022, nguyên đơn chị Tè Tuyết L trình bày:*

Vào năm 2020, chị L và anh L1 tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, chị L và anh L1 sống chung hạnh phúc được một thời gian thì giữa chị L và anh L1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị L và anh L1 không còn sống chung. Trong thời gian hôn nhân, chị L và anh L1 không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

Chị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L được ly hôn với anh L1.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Đồ L1:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh L1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, không đến Tòa án làm việc và tham gia tố tụng tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh L1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên các đương sự không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị L khởi kiện anh L1 để yêu cầu ly hôn và được quyền trực tiếp nuôi con chung, nhưng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn". Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh L1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã đúng theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn"*. Như vậy, chị L có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L1 theo quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: trong quá trình giải quyết vụ án, chị L trình bày sau khi kết hôn, chị L và anh L1 sống chung hạnh phúc được một thời gian thì giữa chị L và anh L1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên chị L và anh L1 không còn sống chung. Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị L và anh L1 để hòa giải, động viên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với nhau, nhưng anh L1 không đến tham dự phiên hòa giải, chị L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Như vậy, hôn nhân giữa chị L và anh L1 đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục*

đích của hôn nhân không đạt được". Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Theo chị L trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án anh L1 không có văn bản ý kiến về con chung và cũng không có đơn yêu cầu về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm, chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tè Tuyết L .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tè Tuyết L được ly hôn với anh Đồ L1.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Tè Tuyết L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005250 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Chị Tè Tuyết L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Luân